



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN SUONG
Last Middle First

Current Address: 894/36/26 P. W. Q. 10 TP. HCM

Date of Birth: 10/10/42 Place of Birth: Binh Duong

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/23/75 To 08/13/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. ~~Box~~ 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONNER IN VIETNAM.

#

I. BASIC INFORMATION OF APPLICANT IN VN :

1. FULL NAME : LÊ VĂN SUÔNG
2. DATE , PLACE OF BIRTH : OCTOBER , 10th , 1943 IN BÌNH DƯƠNG
3. POSITION BEFORE APRIL 1975
 - RANK : CAPTAIN
 - FUNCTION : TIỂU ĐOÀN PHÓ KHOA SINH / TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VẠN KIẾP
 - MILITARY SERIAL NUMBER : 63/103178
4. MONTH , DATE , YEAR ARRESTED : JUNE 28th 1975
5. MONTH , DATE , YEAR OUT OF CAMP : August 13th 1980
6. PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE : Attached here
7. PRESENT MAILING ADDRESS : 384/36/26 PHƯỜNG 10 , QUẬN 10 , HO CHI MINH CITY.
8. CURRENT ADDRESS : 384/36/26 PHƯỜNG 10 , QUẬN 10 , HO CHI MINH CITY.

II. LIST FULL NAME , DOB , POB OF EX POLITICAL PRISONNER.

1. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX POLITICAL PRISONNER

NO.	FULL NAME	DATE OF BIRTH	PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP
1	VÕ - THỊ - TRIỆU	1941	VĨNH - LONG	WIFE
2	LÊ - KIM - TÙNG	1963	SÀI GÒN	SON
3	LÊ - KIM - LONG	1964	SÀI GÒN	SON
4	LÊ - THỊ - KIM - PHƯƠNG	1966	SÀI GÒN	DAUGHTER
5	LÊ - KIM - KHANH	1969	SÀI GÒN	SON
6	LÊ - THỊ - KIM - TRINH	1971	SÀI GÒN	DAUGHTER
7	LÊ - KIM - QUANG	1973	SÀI GÒN	SON
8	LÊ - THỊ - KIM - UYÊN	1975	SÀI GÒN	DAUGHTER

2. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / DEAD)

FATHER : DEAD
 MOTHER : DEAD
 SPONSE : VÕ - THỊ - TRIỆU (LIVING)
 CHILDREN : LIVING
 SIBLING :

3. RELATIVES OUTSIDE VN :

1. IN THE USA : /

2. IN THE OTHER COUNTRIES : /

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR YOUR FAMILY ?

1. REUNIFICATION UNTIL NOW : /

2. REPLY FROM BANGKOK ODL : /

3. THE ODL BANGKOK LOI : /

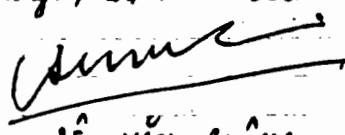
V. ANY COMMENT, REMARK :

I have a questionnaire sent, but until now I have not received any reply.

VI. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE.

1. PHOTOCOPY OF RELEASE CERTIFICATE.

DATE : July, 24th 1988.

SIGNATURE : 

LÊ VĂN SUÔNG

Mẫu số 001-1225

ban hành theo

công văn số

2555 ngày 21

Tháng 11 năm

1972

SCHSLD

GLAY RA TRAI

Theo thông tư số 956-BCA/ST ngày 31-5-1961 của Bộ Nội Vụ:

Thi hành án văn, quyết định thu số 93 ngày 25 tháng 7-1980.

năm

BC NOT VU.

Nay cấp giấy trả cho anh, chỉ có tồn sau đây:

Họ, tên khai sinh: Lê Văn Suông.

Họ, tên thường gọi

Hồ, tôn hi danh

Sinh ngày tháng năm 1943.

Nơi sinh Bình dương.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

384/36/26 phường 12, quận 10, t/p Hồ Chí Minh.

Can tội Đại úy, tiểu đoàn phó khoá sinh.

Rì bắt ngày

23-6-1975.

Án phat TICT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã hi tăng án lần, công thành năm

Đã được giảm án lần, công thành tháng

Nay vờ cư trú tại 384/36/26 phường 12, quận 10.

Nhận xét quá trình cải tạo

Quản chế 12 tháng không được ở thành phố.

Lăn ngón tay trở phải
của: Lê Văn Suông.

Danh bản số: 8839.

Lập tại Tân Hiệp.

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày ~~13~~ tháng 8 năm 80.

Giám thị

Trung tá: Đào-Lương.

Cho tên tưng diện tực họ
ngày 14.5.80



Ấn Khai

SỞ CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỆN.

Ngày 9 tháng 9 năm 1980
PHÒNG G.L.T.A.

SỞ C.A. TP. HỒ CHÍ MINH
G.L.T.A. CÔNG AN QUẬN 10
Ngày 12 tháng 9 năm 1980
Đang xử trình gần bị
BỘ G.L.T.A. QUẬN 10

Mẫu số 001-
ban hành theo
công văn số
2565 ngày 21
tháng 11 năm
1972

SCHSLD: : : : : : : :

GLAY · RA · TRAI

Nay cấp giấy trả cho anh, chỉ có tồn sau đây:

Trung tá: Đào-Lương.

Cho tiến trình diễn lại
ngày 14.8.80



án Khúc

SỞ CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỄN
Ngày 9 tháng 9 năm 1980
PHÒNG Q.L.T.A.

SỞ C.A. TP. HỒ CHÍ MINH
QLT.A. CÔNG AN Q. 12
Ngày 12 tháng 9 năm 80
Được ủy trình gửi bộ
QLT.A. QUẢNG TRUNG

THI THỰC HÀNH SẠO
Bà Lê Thị Sáo

TP. HỒ CHÍ MINH ngày 23 tháng 8 năm 1989



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022236089

Họ tên: LÊ VĂN SƯÔNG



Sinh ngày: 10-10-1943

Nguyên quán: Sông Bé

Nơi thường trú: 384/36/26 Lý

Phái Tổ, Q10, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGON TRỎ TRÁI

Nét ruồi cách 2cm
dưới sau cánh mũi
phải

Ngày 9 tháng 10 năm 1984

CHỖ DẤU VẾT RIÊNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGON TRỎ PHẢI



Thao

Trần Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

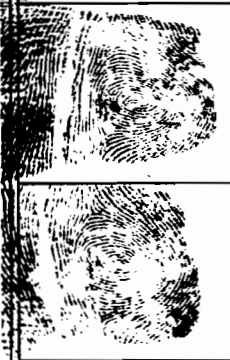
Số: ~~C72721042~~

Họ tên **LÊ KIM QUANG**

Sinh ngày **18-8-1973**

Nguyên quán **Sông Bè**

Nơi thường trú **384/36/26 Lý Th
Tổ, F10, Q10, Tp Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
	NGON TRỎ TRÁI
	NGON TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
Sẹo chằm c, 2cm trên sau cánh mũi phải	
24 tháng 4 năm 1989	
TAY GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
 Lên Văn Cho	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~072721042~~

Họ tên: **LÊ KIM QUANG**



Sinh ngày: **18-8-1973**

Nguyên quán: **Sông Bè**

Nơi thường trú: **384/36/26 Lý Th**

Tổ, Phường 10, Quận 10, TP Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm c, 2cm trên
sau cánh mũi phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 24 tháng 4 năm 1989



HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Văn Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020867383

Họ tên: LÊ KIM LONG

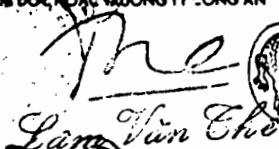
Sinh ngày: 10/11/1964

Nguyên quán: Long Nguyên,

Sông Bé.

Nơi thường trú: 384/36/26

Thái Tổ, P.10, Q.10. TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo tròn 0,6cm cách 2,5cm trên sau mép phải	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 13/02 năm 1989 TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Lam Văn Thọ	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022236089**

Họ tên: **LÊ VĂN SỬNG**

Sinh ngày: **10-10-1943**

Nguyên quán: **Sông Bé**

Nơi thường trú: **384/36/26 Lý**

Phái đỏ, Q10, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

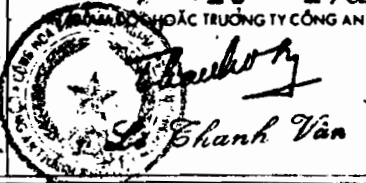
NGON TRÓ TRÁI

NGON TRÓ PHẢI

Nét ruồi cách 2cm
dưới sau cánh mũi

phải

Ngày 9 tháng 10 năm 1984



Lê Thanh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020867383

Họ tên: LÊ KIM LONG



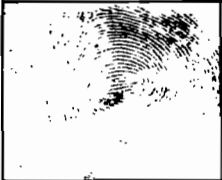
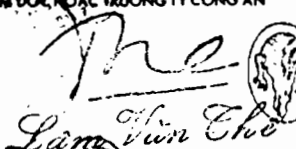
Sinh ngày 10/11/1964

Nguyên quán: Long Nguyên,

Sông Bé.

Nơi thường trú 384/36/26

Thái Tổ, P.10, Q.10. TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Nhật	
	NGÓN TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Sẹo tròn 0,6cm cách 2,5cm trên sau mép phải	
Ngày 13/02/1989	
TAY GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
 Lam Văn Cho	

Saigon, ngày 20 tháng 8 năm 1969

Bà Khắc Minh 56 Hồ Kinh mìn,

Chúng tôi rất vui mừng nhận được thư Bà.
Cần nói đầu tiên của chúng tôi là thành thật
cảm ơn sự giúp đỡ của cả nhóm Bà và của
Hội nữ chúng.

Vì chúng tôi bị thiêu đốt nên không thể ra đi
của chúng tôi như thế nào nhất là người đi
theo, nhưng theo dự định Saigon thì Mỹ là không
nhỏ những đứa con có gia đình.

Do vậy nay tôi viết thư này kính mong Bà
can thiệp giúp đỡ cho tôi và 4 đứa con được
ra đi theo họ:

Cites
hong list

- 1/ Lê Kim Long sinh năm 1964
- 2/ Lê Thị Kim Trâm sinh năm 1971
- 3/ Lê Kim Quang sinh năm 1973
- 4/ Lê Thị Kim Ngân sinh năm 1975

Tôi sẽ nộp hồ sơ này cho chính quyền
Việt-Nam.

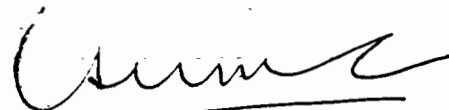
Vì 3 đứa con chúng tôi đều vẫn ra đi
nên vợ tôi cũng phải ở lại với chúng.

Tên đứa con ở lại là:

- 1/ Lê Kim Tùng sinh năm 1963
- 2/ Lê Thị Kim Phụng sinh năm 1966
- 3/ Lê Kim Khanh sinh năm 1969

Một lần nữa chúng tôi rất cảm ơn Đại sứ quán
Đài Bắc tiếp tục giúp đỡ chúng tôi cho đến khi có kết
quả.

Thỉnh chúc Đại sứ quán thi mọi việc thuận lợi
cho đến gặp nhau ngày mai.



Lì Văn Sung

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 660532 CN

Họ và tên chủ hộ: **VÕ THỊ TRIỆU**

Ấp, ngõ, số nhà: **384/36/46**

Thị trấn, đường phố: **Đ. Thái Bình**

Xã, phường: **Đ. Tân Bình**

Huyện, quận: **Đ. Tân Bình**

THỊ THỰC BẢN SAO

Bố tức hộ: **HO**

Trưởng công an: **Đ. Tân Bình**

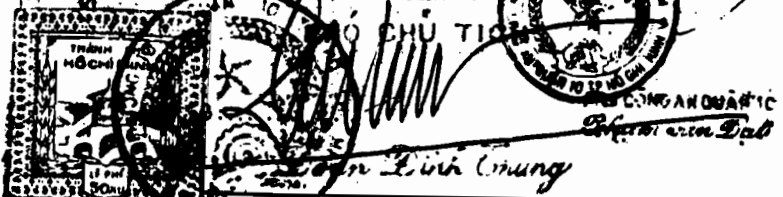
Ngày: 010 tháng 10 năm 1976

Quận 10

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 23 tháng 8 năm 1976

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 23 tháng 8 năm 1976

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 23 tháng 8 năm 1976



NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nô Thị Kiều	chủ hộ	Nữ	22.8.1941	020180730	Thợ ráp bình điện	01.10.1976		
						Thợ ráp bình đồng			
02	Lê Thị Kim Phương	con	Nữ	27.9.1966	022206835		01.10.1976		10.10.06
03	Lê Thị Kim Khanh	con	Nam	26.2.1969	022236142	1000 sinh	01.10.1976	Đi nước 14/89	01.05
04	Lê Thị Kim Bình	con	Nữ	22.6.1971			01.10.1976		
05	Lê Thị Kim Quang	con	Nam	19.9.1973	022221042		01.10.1976		
06	Lê Thị Kim Uyên	con	Nữ	21.7.1975			01.10.1976		
07	Ông Văn Suông	chồng	Nam	1943	022236089		22.03.83		
	Ông Văn Suông	con	Nam	1963	0201867382				
09	Ông Văn Suông	con	Nam	1984	0201867383		17.1.89	02.9.11.1989	

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Chứng nhận đã chuyển đến ở:.....

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày..... tháng..... năm.....

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 660532 CN

Họ và tên chủ hộ: ²VÕ THỊ TRIỆU

Ấp, ngõ, số nhà: 384/36/45

Thị trấn, đường phố: 24/Phai Jô

Xã, phường: 12

Huyện, quận: Thủ Đức

THỊ THỰC BẢN SAO

Ngày 010 tháng 10 năm 1996

Bố của hộ sơ

Trưởng công an

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ngày 23 tháng 8 năm 1996

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, QUẬN 10

PHỐ CHU THƯỜNG KIỆT

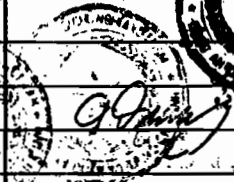
TRƯỜNG CÔNG AN QUẬN 10

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ

Đinh Trung

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nô Thị Triêu	chủ hộ	Nữ	22.8.1941	020180750	Thợ ráp bình điện	01.10.1976		
						Thợ ráp bình điện			
02	Lê Thị Kim Phương	con	Nữ	27.9.1966	022236585		01.10.1976		
03	Lê Thị Kim Khanh	con	Nam	26.2.1969	022236148	1000 sinh	01.10.1976	Đi học 12/89	
04	Lê Thị Kim Bình	con	Nữ	22.6.1971			01.10.1976		
05	Lê Thị Kim Quang	con	Nam	19.9.1973	022221042		01.10.1976		
06	Lê Thị Kim Uyên	con	Nữ	21.7.1975			01.10.1976		
07	Đoàn Văn Bường	chồng	Nam	1945	022236089		22.03.83		
	Đoàn Văn Bường	con	Nam		020867389		17.1.89		
08	Đoàn Văn Bường	con	Nam	1964	020867383				



Handwritten signature and date: 17.1.89



HÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

2
h
sài gònBẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 8458B

Quyền số

Họ và tên	LÊ KIM LONG	Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 10 tháng 11 năm 1964	
Nơi sinh	sài gòn 264 Cống Quỳnh	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	LÊ VĂN BƯỜNG 21T	VÕ THỊ TRIỆU 23T
Dân tộc Quốc tịch		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Thợ kỹ Thị trấn Mỹ Tây Gia Định	Hội Trại
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Người khai khai	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm 1964

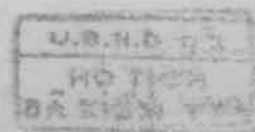
TM/UBND ký tên đóng dấu

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Ngọc

Đăng ký ngày 16 tháng 11 năm 1964

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

HVA/IO.

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HGRQ BÌNH-DƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)



AN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Xã Long-Nguyên

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Bình-Dương

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1959

(Année)

SỐ HIỆU

(Acte No)

98

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HGRQ Biên-Hòa, xử về việc hộ trung phiên nhóm công khai ngày 17
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	tháng 4 năm 1959, có lên an số 452, mà chủ văn như sau :
Sinh ngày nào (Date de naissance)	BỐI CÁC LÊ AY
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng nhận cho Lê-văn-Hai nhìn Lê- văn-Suông là con tử sinh.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng : Lê-văn-Suông
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	sinh ngày 10 tháng 10 năm 1943 tại làng Long-Nguyên, tỉnh Bình-Dương, là
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	con tử sinh của Lê-văn-Hai và Nguyễn- thị-Keo.
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Phản rằng án này thể-vì khai sanh cho đươc nơi trên.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Dặng-hữu-Thụ
(Nous)

Chánh-án Toà HGRQ BÌNH DƯƠNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ngô-thế-Chí
(M.)

Chánh-lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef du dit tribunal).

Bình-Dương, ngày 26-5-1965

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Dum

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Bình-Dương, ngày 26-5-1965



Giá tiền : 5000

(Coi)

Biên-lai số,
(Quittance No)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP

Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HGRQ BÌNH-DƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

ĂN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Long-Nguyên

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Bình-Dương

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1959

(Année)

SỐ HIỆU

(Acte N°)

98

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Tòa HGRQ Biên-Hòa, xử về việc hộ trung phiên nhóm công khai ngày 17
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	tháng 4 năm 1959, có lên án số 452, mà chủ văn như sau :
Sinh ngày nào (Date de naissance)	BỚT CẠC LÊ AY
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng nhận cho Lê-văn-Hai nhận Lê- văn-Suông là con tự sinh.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phản rằng : Lê-văn-Suông
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	sinh ngày 10 tháng 10 năm 1943 tại lang Long-Nguyên, tỉnh Bình-Dương, là
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	con tự sinh của Lê-văn-Hai và Nguyễn- thị-Keo.
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Phản rằng án này thể-vĩ khai sanh cho đút trẻ nơi trên.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Đặng-hữu-Thụ
(Nous)

Chánh-án Toà HGRQ BÌNH DƯƠNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ngô-thế-Chí
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Certifions en chef, audit tribunal).

ngày 26-5-1965

CHÍNH-ÁN,
(PRÉSIDENT),



Bình-Dương, ngày 26-5-1965

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHIEF),



Giá tiền
(Coté)
Biên-lai số
(Quittance N°)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐỊNH

QUẬN GÒ-VẤP

XÃ BÌNH-HÒA

BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRỌNG BỘ
ỦY-VIÊN phụ-trách

Năm 19 70

HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

Số hiệu

4120



Tên, họ ấu nhi	LÊ - THỊ - KIM - TRINH
Phái	NỮ
Sanh (Ngày, tháng, năm)	Ngày hai mươi hai tháng sáu năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Tại	Trung Tâm Thực Tập Y-Khoa xã Bình Hòa
Cha (Tên, họ)	Lê - Văn - Suông
Nghề	Quản Nhân
Cư trú tại	Xã Bình Hòa
Mẹ (Tên, họ)	Võ - Thị - Triệu
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Xã Bình Hòa
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Trích y bốn chánh :

KIẾN - THỊ

XÃ - TRƯỞNG

BÌNH-HÒA, ngày 25 tháng 7 năm 1971

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH.



TRẦN QUANG CHÁ

Ủy viên Hộ tịch

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Thêm chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BNV/HC/29
ngày 3-8-70.



AN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

QV

GD

BẢN SAO
GIẤY KHAI SANH

Số 4120

Quyển số

Họ và tên	LÊ THỊ KIM TRINH		Nam, nữ	NỮ
Sinh ngày tháng năm	Ngày 22 tháng 6 năm 1971			
Nơi sinh	TTTT Y khoa xã BH			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Suồng 28 t		Võ Thị Triều 30 t	
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp	quân nhân		Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	xã Bình Hòa			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Văn Suồng			

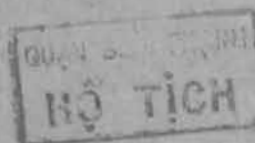
Nhận thực sao y bản chính 15/9/88

quận BT

Đăng ký, ngày 26 tháng 6 năm 1987

TM/UBND ký tên, đóng dấu

(ghi rõ họ, tên, chức vụ)





DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

GV

GD

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 5749

Quyển số

Họ và tên	LÊ KIM QUANG		Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày 18 tháng 8 năm 1973		
Nơi sinh	TTTT Y khoa Mã BH		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Suông 30 t	Võ Thị Triệu 32 t	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Thanh Mỹ Tuy		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Văn Suông		

Nhận theo sao y bản chính 15/9/88

T. U. L. A. quân B1

Đã ký, ngày 23 tháng 8 năm 1987

T. U. L. A. quân B1 ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



AN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

GV

GD

BẢN SAO
GIẤY KHAI SANH

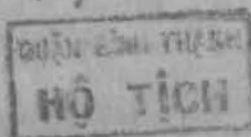
Số 5749

Quyền số

Họ và tên	LÊ KIM QUANG	Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng năm	Ngày 18 tháng 8 năm 1973	
Nơi sinh	TTTT Y khoa Mã BH	
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Văn Suông 30 t	Võ Thị Triệu 32 t
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	Quản nhân	Nội trợ
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Thạnh Mỹ Tây	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Văn Suông	

Nhận theo sao y bản chính 15/9/88
quận BTĐã ký, ngày 23 tháng 8 năm 1983
TM/UBND. ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Lê Nghi Lâm



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

MÄU HT3 P3

№, This train _____

Thị xã, Quận. _____

Thành phố, Tỉnh: HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

56

Qu

[illegible]

Họ và tên	LÊ - THỊ - KIM - UYÊN		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm.	Hai mươi mốt, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm.			
Nơi sinh	BV Nhân Dân Gia-Định.			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê-Văn-Buông 35 tuổi		Võ-Thị-Triệu 37 tuổi	
Dân tộc Quốc tịch	Việt-Nam			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	HT.7590/LI9/T5/Khối 7		Công nhân 123 Tổ 35, Phường 9	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Võ-Thị-Triệu 35 tuổi			

NHẬN-THỰC SAO-Y BẢN CHÍNH

Ngày 22 tháng 08 năm 1981

TM/UBND _____ ký tên đóng dấu



Đã ký ngày 15 tháng 04 năm 1977
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

M5, HT3.2.

 $\text{Xe}, \text{Th}, \text{U}$ Thị xã, Quận Bình Thạnh

Thành phố, Tỉnh HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

[illegible]

Họ và tên	LÊ - THỊ - KIM - UYÊN		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi mốt, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm.			
Nơi sinh	Bị Nhân Dân Gia-Định.			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê-Văn-Sương 35 tuổi		Võ-Thị-Triệu 37 tuổi	
Dân tộc	Việt-Nam			
Quốc tịch				
Nghề nghiệp			Đồng nhân	
Nơi ĐKNK thường trú	HT.7590/LI9/T5/Khối 7		123 Tổ 35, Phường 9	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Võ-Thị-Triệu 35 tuổi			

Đã ký ngày 15 tháng 04 năm 1977
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

NHÂN THỰC SÁO Y BẢN CHÍNH

Ngày 22 tháng 08 năm 1981

TM/UBND

B.T

ky hien dong dau

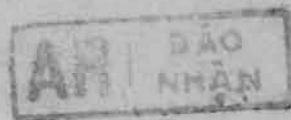


A circular postmark from Nagasaki, Japan, dated 1894. The text "Nagasaki" is at the bottom, and "1894" is at the top. The center contains the word "Japan" and some illegible characters.

Nguyen Kieu Thuong

From. Lê văn Sông
344/36/26 Lý Thái Tổ

→ Hùng và Quân và
165 chí Minh City



→ h/s bỏ thư
ông này làm cây!
vô ở lại với các
con có gia đình.

65g: 30140^g



Khúc minh 6th

To. P.O. Box 5435 Arlington VA
22205-0635
U.S.A.